

CTCP CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09./NQ-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 11 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

V/v thông qua Quy chế Công bố thông tin
Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng;
Căn cứ Biên bản cuộc họp của HĐQT ngày 28/8/2019;
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Quy chế công bố thông tin chính thức của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

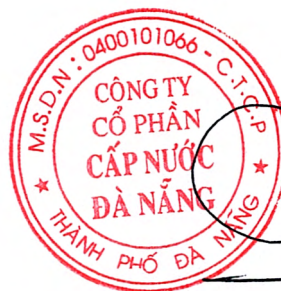
Điều 2: Giao cho Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, Tổ thư ký HĐQT và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận: 

- Như điều 2;
- HĐQT; BKS;
- Lưu HCNS-VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN TRƯỜNG ẢNH



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Ban hành 09/11/2019

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Tài liệu tham khảo.....	3
Điều 3. Các chữ viết tắt.....	3
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 5. Nguyên tắc CBTT.....	5
Điều 6. Phương tiện CBTT.....	6
Chương II. NỘI DUNG CBTT	7
Điều 7. Lưu đồ thực hiện.....	7
Điều 8. Các nội dung CBTT.....	9
Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	10
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng nghiệp vụ liên quan.....	10
Điều 10. Xử lý vi phạm về CBTT.....	10
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm.....	10
Điều 12. Triển khai thực hiện.....	11
PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN	12
PHỤ LỤC 1.1: BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN.....	12
PHỤ LỤC 1.2: BAN TRUYỀN THÔNG CÔ ĐÔNG.....	20
PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	26
PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU	28

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng nghiệp vụ, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người công bố thông tin.
- b) Các phòng nghiệp vụ liên quan gồm: Ban Tài chính – Kế toán, Ban Truyền thông- Cổ đông, Ban Kế hoạch – Kỹ thuật, Thư ký Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Các phòng nghiệp vụ khác.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 31 tháng 03 năm 2017;
- Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 09 năm 2016;
- Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty đăng ký giao dịch trên sàn HNX (CIMS);
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- IDS PLUS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.

- SGDCK/HNX : Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của HNX.
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- TGD : Tổng Giám đốc.
- KTT : Kế toán trưởng.
- BCTC : Báo cáo tài chính.
- CĐL : Cổ đông lớn.
- CPQ : Cổ phiếu quỹ.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- CTĐC : Công ty đại chúng.
- ĐKGD : Đăng ký giao dịch.
- NNB : Người nội bộ.
- NCLQ : Người có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của công ty đại chúng là:

- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Kiểm soát viên;
- Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Giám đốc Ban Tài chính – Kế toán, Kế toán trưởng, người phụ trách kế toán;
- Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền CBTT.

2. Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK Hà Nội hoặc ngày UBCKNN, SGDCK Hà Nội nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. Bản scan văn bản dùng CBTT phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
7. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm CPQ.
8. *Người CBTT* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền CBTT công bố.
9. *Người có liên quan*^[1] là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a. Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - b. Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - d. Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - e. Công ty mẹ, công ty con;
 - f. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
10. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng* là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng^[2].

Điều 5. Nguyên tắc CBTT

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi CBTT, Đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện CBTT.

^[1] Theo quy định tại Điều 6 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006

^[2] Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

Điều 6. Phương tiện CBTT

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống CBTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Plus.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5		Báo in, Báo điện tử, v.v...

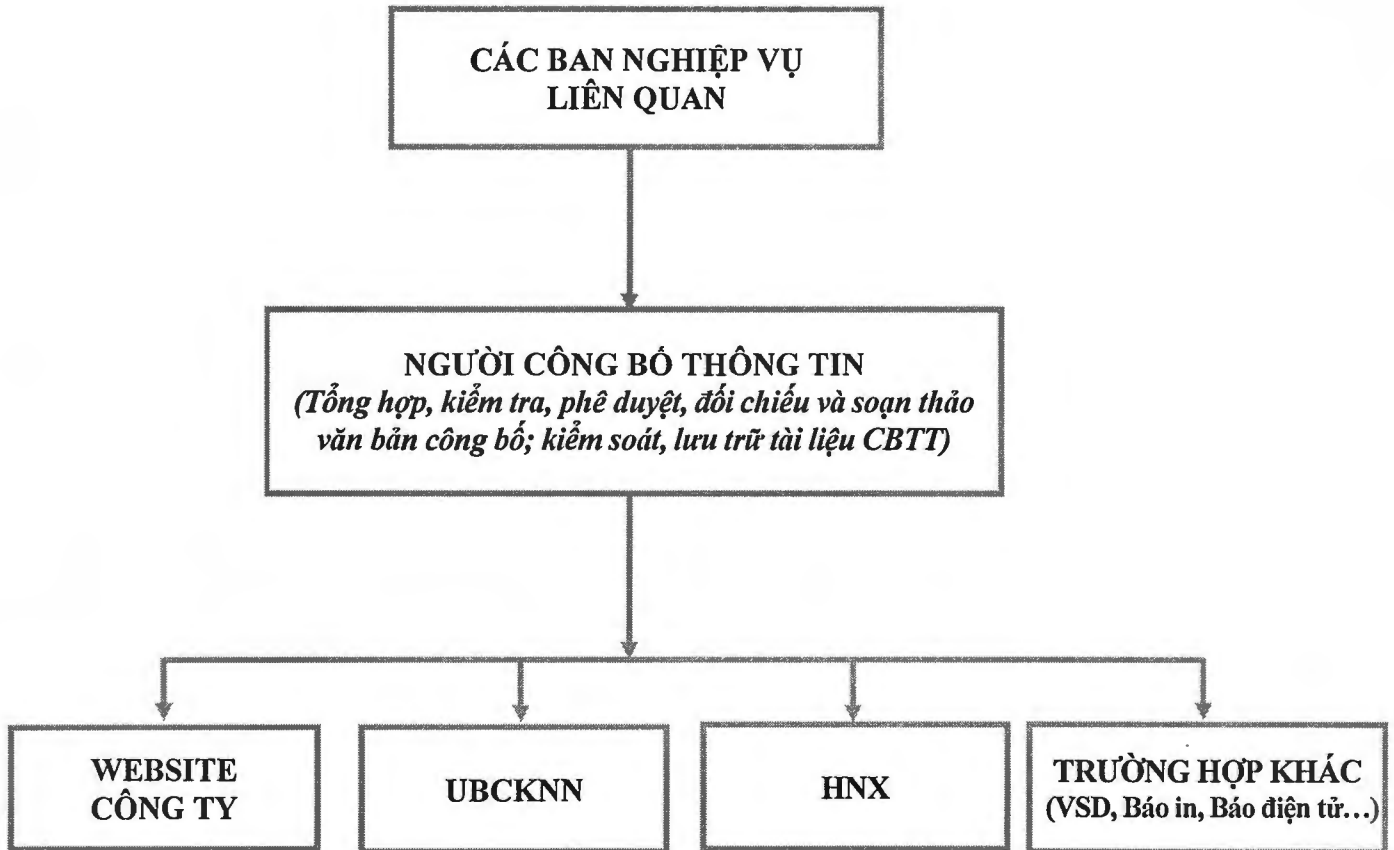
(*)Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ; Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT khác theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
- Các thông tin công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.

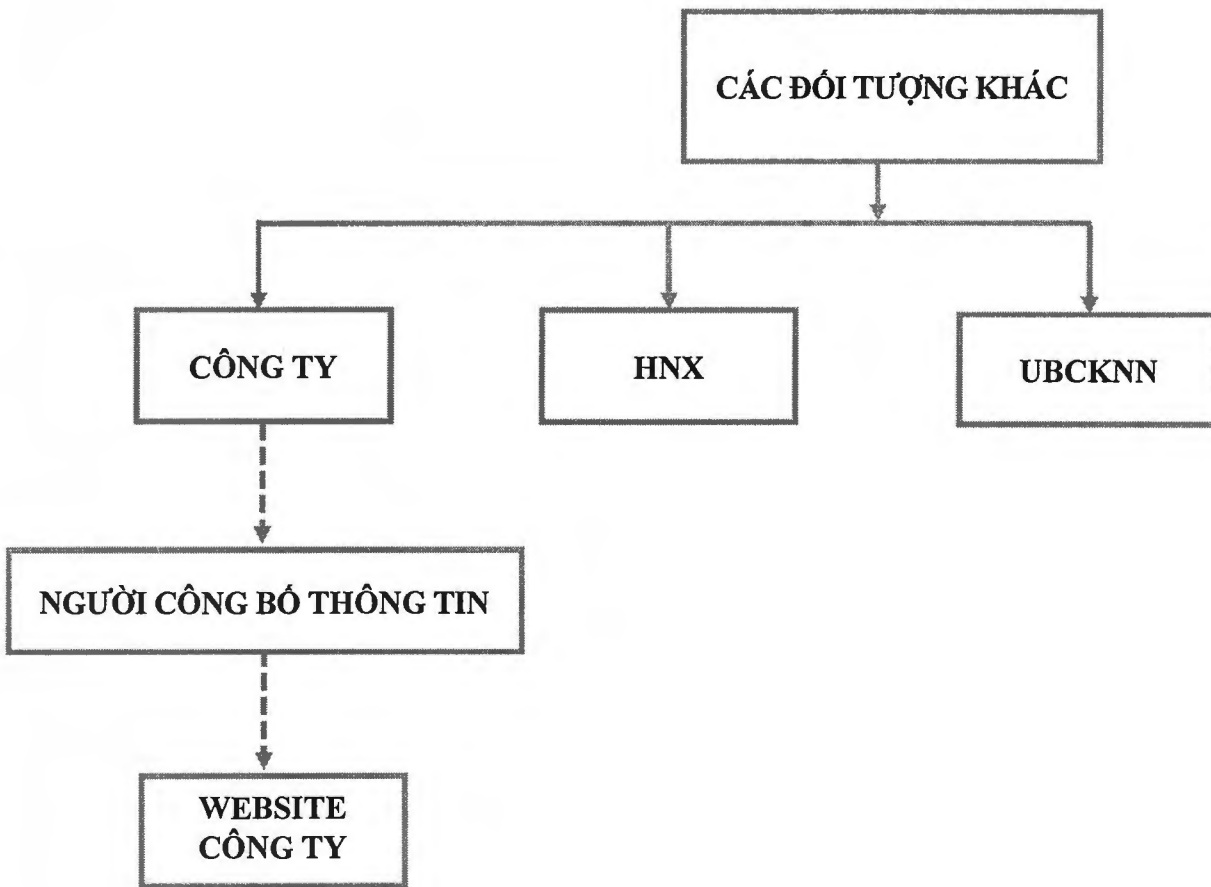
Chương II. NỘI DUNG CBTT

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng nghiệp vụ liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)



PHỐI HỢP: ———> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội

-----> : Người CBTT tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung CBTT

1. Các phòng nghiệp vụ liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế CBTT này:

a) Ban Tài chính - Kế toán : Phụ lục 1.1

b) Ban Truyền thông - Cổ đông : Phụ lục 1.2

2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế CBTT này.

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng nghiệp vụ liên quan

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các Ban nghiệp vụ chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Giám đốc các Ban nghiệp vụ chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các Ban nghiệp vụ liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.
4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về CBTT

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về CBTT.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người CBTT: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc Ban nghiệp vụ: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



NGUYỄN TRƯỜNG ANH

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 1.1: BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (TCKT)

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ
1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
Báo cáo tài chính				
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	
2	Báo cáo tài chính quý được UBCKNN chấp thuận gia hạn	Tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	
3	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	
4	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	
5	Báo cáo tài chính bán niên soát xét được UBCKNN chấp thuận gia hạn	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	
6	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	
7	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được UBCKNN chấp thuận gia hạn	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	

		quá 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính		
8	<p><i>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại; - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên. 	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	
Báo cáo thường niên				
9	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	

		năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 120 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính		
Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn				
10	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (<i>Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư</i>)	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	
11	Quyết định thay đổi nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn	- Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử - Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất	Trước thời hạn CBTT theo quy định 1 ngày	
12	Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận	Công bố tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận	Trước 1 ngày diễn ra ĐHĐCĐ	
2. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
2	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu	Trong thời hạn 24	Trong thời hạn 12 giờ kể	

	của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu.	giờ	từ khi sự kiện xảy ra	
3	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
4	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
5	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
6	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
7	Doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
8	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
9	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
10	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:		Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
11	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	

	báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;			
12	- Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
13	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
14	Kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
15	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét. Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	

	bán niên gần nhất được soát xét, công ty CBTT về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.			
16	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
17	Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
18	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
19	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
20	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
21	Quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	

	xét.			
22	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
23	Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
24	Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty đại chúng là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
25	Công ty gửi thông báo đến SGĐCK về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn theo Mẫu 10_CBTT/SGDHN.	Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn,	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
	1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
	2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	

26	<p>Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng</p>	<p>Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra</p>	
----	---	---	---	--

PHỤ LỤC 1.2 : BAN TRUYỀN THÔNG - CỔ ĐÔNG (TTCD)

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ
1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
Đại hội cổ đông				
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước thời hạn CBTT theo quy định 3 ngày	
2	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ <i>(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>	Trước thời hạn CBTT theo quy định 2 ngày	
3	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	
Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản				
4	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước thời hạn CBTT theo quy định 3 ngày	
5	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến <i>(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>	Trước thời hạn CBTT theo quy định 2 ngày	

6	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	
Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn				
7	Nghĩa vụ công bố thông tin trong trường hợp thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán	Trước thời hạn CBTT theo quy định 2 ngày	
Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài				
8	Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Trước thời hạn CBTT theo quy định 2 ngày	
Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ				
9	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/07 (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)	Chậm nhất là ngày 25/07	
10	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)	Chậm nhất là ngày 25/01	
2. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				

1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
2	Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
3	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
4	Công bố thông tin về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Mẫu 05_CBTT/SGDHN	Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
5	Bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
6	Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	

	thẻ doanh nghiệp.			
8	Quyết định thay đổi tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
9	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
10	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
11	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
12	Quyết định đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
13	Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	

	con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Mẫu 06_CBTT/SGDHN .			
14	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
15	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
16	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
17	Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Trước thời hạn CBTT 2 ngày	
18	Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ: Công ty thực hiện công bố thông tin theo Mẫu 02_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN .	Gửi kèm quyết định/ng nghị quyết về việc thay đổi nhân sự	Trong vòng 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
19	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo SGDCCK theo Mẫu 04_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN .	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Trước thời hạn CBTT theo quy định 2 ngày	

20	Nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
21	Nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
22	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
23	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
24	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Trong vòng 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	
25	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Trước thời hạn CBTT theo quy định 2 ngày	
26	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 12 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra	

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. CBTT về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của CTĐC hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho CTĐC, UBCKNN và SGDCK theo **Mẫu 15 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% phải CBTT và báo cáo cho CTĐC, UBCKNN và SGDCK theo **Mẫu 16 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

***PHÓI HỢP:** Không áp dụng CBTT đối với trường hợp cổ đông lớn thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do CTĐC giao CPQ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.*

***Ví dụ:** nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức đăng ký giao dịch X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải CBTT và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.
- ### 2. CBTT về giao dịch của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu theo **Mẫu 17 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ SGDCK.












PHỐI HỢP: NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.








- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về kết quả giao dịch theo **Mẫu 18 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

- NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và CTĐC trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ của CTĐC hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ.
- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB.

PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 - BCTN	 Mau 01 - BCTN	Báo cáo thường niên (Thông tư số 155/2015/TT-BTC)
2	Mẫu 02 - BCCTT	 Mau 02 - BCCTT	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Thông tư số 155/2015/TT-BTC)
3	Mẫu 03 - BC	 Mau 03 - BC	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 58/2012/NĐ-CP)
4	Mẫu 04 - THQ	 Mau 04 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định số 197/QĐ-VSD năm 2017)
5	Mẫu 05 - DS	 Mau 05 - DS	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
6	Mẫu 06 - NS	 Mau 06 - NS	Thay đổi nhân sự (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
7	Mẫu 07 - NNB	 Mau 07 - NNB	Danh sách người nội bộ và người có liên quan (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
8	Mẫu 08 - NNB	 Mau 08 - NNB	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
9	Mẫu 09 - ĐKDN	 Mau 09 - ĐKDN	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
10	Mẫu 10 - MHCT	 Mau 10 - MHCT	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
11	Mẫu 11 - SLCP	 Mau 11 - SLCP	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
			<i>(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)</i>
12	Mẫu 12 CBTT	 Mau 12 - CBTT	Công bố thông tin bất thường <i>(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)</i>
13	Mẫu 13 - QTCT	 mau 13 - QTCT	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty <i>(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)</i>
14	Mẫu 14 - KT CBTT	 Mau 14 - CBTT	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn <i>(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)</i>
15	Mẫu 15 - CDL	 Mau 15 - CDL	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i>
16	Mẫu 16 – CDL	 Mau 16 - CDL	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i>
17	Mẫu 17 - GD NNB	 Mau 17 - NNB	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ trước khi thực hiện giao dịch <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i>
18	Mẫu 18 - GD NNB	 Mau 18 - NNB	Báo cáo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ sau khi thực hiện giao dịch <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i>